

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+RP1+RP3	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	CHUYẾN 1 PAX TỪ RP1-RP3
2		CNV+AMD+HST	7:25	6+14+2	0+0+0		6+13+3	0+0+0	
3		BK14+BK9+PPD	7:25	8+5+9	0+0+0		6+5+11	0+0+0	
4		PPD+VSP02+TD5	9:25	11+11+0	0+0+0		4+13+5	0+0+0	
5		CTK3+P6+P3	9:25	14+0+8	0+0+0		2+7+13	0+0+0	
6		P4+TD2+CTK3	9:25	12+0+10	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYẾN 2 PAX TỪ TD2-CTK3
7		BK16+GTCl+CTK3	11:25	6+0+16	0+0+0		0+1+21	0+0+0	CHUYẾN 3 PAX TỪ GTCl-CTK3
8		AMD+PPD	11:25	12+6	0+0		13+7	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2019	TO: VSP02 - RP1 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - Thanh - Trường	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THOI	VSP02	90	1	8		75	YTE	Vietnamese
2	POKLONSKIY	VSP02	83	1	5		85	KH-THAC	Russian
3	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02					74	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN KINH	VSP02	97	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	92	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI XUÂN TIEN	VSP02	87	1	5	10	65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TRUNG SÔNG	VSP02					71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CÔNG HOÀN	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH THẢO	VSP02	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	DUY TRUNG VIỆT	VSP02	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	93	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	91	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	88	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ MẠNH THẮNG	VSP02	84	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI HUY BÌNH	VSP02					82	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ THAI SƠN	VSP02	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	80	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ QUỐC TRÌNH	VSP02	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	17	89	1.480	10	20		CHUYEN 01 PAX TU RP1 SANG RP3
2	RP1	0	0	0	0	0	0	1	
3	RP3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	17	89	1.480	10	22		
WEIGHT KG				89	1.480	10			

GRAND TOAL: 1.579 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2019	TO: CNV - AMD - HST	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - DTùng	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO QUỐC TUNG	CNV	59	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM ĐỨC KIEM	CNV	57-58	2	5		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN DUNG	CNV	60	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAO TRỌNG HIỆP	CNV	54-55	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC THANH	CNV	56	1	4	20	82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH TIEN	CNV	61	1	6		73	PSV	Vietnamese
7	LA NGOC HOAN	AMD	84	1	10		70	HLJOC	Vietnamese
8	TRINH THUONG MAI	AMD	79-80	2	10		61	TLJOC	Vietnamese
9	NGUYEN DUY HUNG	AMD	67-68	2	14		70	PHATECO/E	Vietnamese
10	NGUYEN DINH TRONG	AMD	71	1	8	50	61	PHATECO/E	Vietnamese
11	NGO DUC TRUONG	AMD	69-70	2	16		50	PHATECO/E	Vietnamese
12	NGUYEN HONG NHAT	AMD	76	1	7		56	PHATECO/E	Vietnamese
13	TRAN VAN NAM	AMD	72-73	2	11		71	PHATECO/E	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BON	AMD	77	1	6		48	PHATECO/E	Vietnamese
15	NGUYEN HANG HAI	AMD	82	1	15		81	KH-THAC	Vietnamese
16	LE TRI TRUNG	AMD	75	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG TRUNG KIEN	AMD	74	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUANG LONG	AMD	83	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI THANH THAO	AMD	81	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN ANH KHOA	AMD	78	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO THE THANH	HST	38-39	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM TUAN CHUNG	HST	40	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	6	8	30	464	20	6		
2	AMD	14	18	124	904	50	13		
3	HST	2	3	19	135	0	3		
TOTAL		22	29	173	1.503	70	22		
WEIGHT KG				173	1.503	70			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2019	TO: BK14 - BK9 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - TDUNG	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TOÀN	BK14	43	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN LÂM	BK14	42	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO KIM CUƠNG	BK14	38	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	39	1	5	50	62	KH-THAC	Vietnamese
5	LUYỄN VĂN THIỀU	BK14	41	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ PHẠM THANH HUY	BK14	37	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN KHẮC THĂNG	BK14	36	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TIỀN CUƠNG	BK14	40	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC CHÍNH	BK9	05	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC CUƠNG	BK9	02	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG ĐÌNH HUY	BK9	04	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUÂN	BK9	01	1	5	50	65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	03	1	9		63	PSV	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH CUƠNG	PPD	18	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO CUƠNG	PPD					69	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN ĐẠO	PPD	22-23	2	8		95	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẠO MẠNH HUY	PPD	01	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	24	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN VIỆT	PPD	20-21	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					64	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ ĐỨC QUÂN	PPD	19	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	8	8	65	541	50	6		
2	BK9	5	5	39	345	50	5		
3	PPD	9	8	41	659	0	11		
TOTAL		22	21	145	1.545	100	22		
WEIGHT KG				145	1.545	100			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2019	TO: PPD - VSP02 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - Thanh - Trường	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI NANG PHONG	PPD	26	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN SON	PPD	25	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	29-30	2	10	40	70	KH-THAC	Vietnamese
4	MOHD YUNUS BIN MOHDNAFI	PPD	31	1	13	20	80	KHI	Malaysian
5	MUHAMMAD NAZREEN BIN ZULKIFLI	PPD	35	1	11	70	64	KHI	Malaysian
6	TRAN HUNG	PPD	33-34	2	17		92	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG CAM	PPD	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HOANG LONG	PPD	40	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM THANH TAI	PPD	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN SON TIEN	PPD	43	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	LUU VIET DUNG	PPD	42	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO DUC CHU	VSP02	72	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	77	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN GIAP	VSP02	76	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LU SON	VSP02	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TO VAN HUNG	VSP02	74	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
17	TA VAN CUONG	VSP02	69	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUYET	VSP02				5	55	KH-THAC	Vietnamese
19	DO TRUNG DUNG	VSP02	300	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	VU HAI DANG	VSP02	71	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
21	VO TAN LINH	VSP02	70	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG MINH SON	VSP02	78	1	13		73	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	13	84	804	130	4		
2	VSP02	11	10	63	721	5	13		
3	TD5	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	23	147	1.525	135	22		
WEIGHT KG				147	1.525	135			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2019	TO: CTK3 - P6 - P3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LHai - TĐông - TDUNG	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TAT THANG	CTK3	14	1	5		65	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	12	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
3	SMIRNOV	CTK3	13	1	4		100	KH-THAC	Russian
4	HOANG XUAN HIEU	CTK3	11	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI KHAC PHONG	CTK3	08	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TUAN MINH	CTK3	10	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HA MINH GIANG	CTK3	06	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG KIM	CTK3	09	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN QUANG TUAN	CTK3	17	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	15	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUY HA	CTK3	16	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DUC HANH	CTK3	07	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TUAN	CTK3	05	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
15	VU THANH TIEN	P3	57-58	2	12		67	CODIEN	Vietnamese
16	LE HUY BAC	P3	56	1	9	40	70	CODIEN	Vietnamese
17	KRAVTSOV A.	P3				22	72	DVL	Russian
18	PHAM HONG QUY	P3	61	1	10	52	70	DVL	Vietnamese
19	PHAM VAN DAM	P3	66	1	7		72	DVL	Vietnamese
20	VU XUAN CANH	P3	55	1	12		67	DVL	Vietnamese
21	LE TUAN VU	P3	53	1	6		98	GETRACO	Vietnamese
22	PHAM VAN SANG	P3	54	1	12		71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	13	54	994	0	2		
2	P6	0	0	0	0	20	7		
3	P3	8	8	68	587	114	13		
TOTAL		22	21	122	1.581	134	22		
WEIGHT KG				122	1.581	134			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2019	TO: P4 - TD2 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Vậ - DUONG - DTùng	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH TUÂN	P4	91	1	12	25	60	CODIEN	Vietnamese
2	NGO KIM NGHIỆP	P4	90	1	15		80	CODIEN	Vietnamese
3	ĐANG ĐÌNH TUÂN	P4	13	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
4	TÔ TIÊN HUNG	P4	56-57	2	10		80	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P4	14	1	10	20	74	CODIEN	Vietnamese
6	CHU TUÂN ANH	P4	63-64	2	12		62	CODIEN	Vietnamese
7	VŨ QUỐC VƯƠNG	P4	59-61	3	15	45	76	XAYLAP	Vietnamese
8	LÀ TUÂN LINH	P4	66-67	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN NGỌC TUÂN ANH	P4	65	1	8		76	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG THAI TAI	P4	88-89	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG NGỌC THANH	P4	62	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH DUNG	P4	58	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM QUANG THAI	CTK3	43	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN BÌNH	CTK3	45-46	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM QUỐC CUÔNG	CTK3	36	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HẠO	CTK3	39-40	2	15	15	67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO VIỆT HUNG	CTK3	47	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HỮU BAO	CTK3	37	1	4		91	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯỜNG QUỐC BAO	CTK3	41-42	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THANH QUANG	CTK3	44	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3					79	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	38	1	3		49	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	18	141	861	90	0		CHUYEN 2 PAX TD2 SANG CTK3
2	TD2	0	0	0	0	20	0 + 2		
3	CTK3	10	12	78	714	15	22		
TOTAL		22	30	219	1.575	125	22		
WEIGHT KG				219	1.575	125			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/07/2019	TO: BK16 - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Thanh - TTrung - THU	ETA: 13:30
XANH-3			

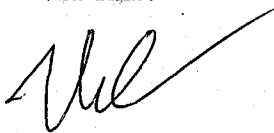
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN ĐỊNH	BK16	87	1	12	20	70	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM DUY ĐỀN	BK16	85-86	2	17	50	63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	BK16	88-89	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ QUANG HUNG	BK16	84	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN CƯỜNG	BK16	83	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN XUÂN HOA	BK16					68	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÍNH	CTK3	69-70	2	18		72	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH PHỤNG	CTK3					68	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	62	1	7		72	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN BỘ	CTK3	51-52	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÂN	CTK3	56	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DIỄN	CTK3	48	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ XUÂN TÍNH	CTK3	63	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN TUÂN	CTK3	50	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG THÀNH	CTK3	57-58	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
16	TRỊNH THANH GIANG	CTK3	64-65	2	11		70	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	61	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐAM	CTK3	60	1	3		67	PSV	Vietnamese
19	VŨ NGỌC HUNG	CTK3	59	1	4		75	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN MINH	CTK3	66	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	PHẠM CÔNG SAM	CTK3	68	1	5	15	68	PSV	Vietnamese
22	PHẠM CÔNG ĐIỆN	CTK3	67	1	7	60	73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	6	7	66	407	70	0		CHUYEN 3 PAX GTC1 SANG CTK3
2	GTC1	0	0	0	0	0	1+3		
3	CTK3	16	19	148	1.099	75	21		
TOTAL		22	26	214	1.506	145	22		
WEIGHT KG				214	1.506	145			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2019	TO: AMD - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - PTUẤN	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THẾ HIỀN	AMD	44	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN GIANG	AMD	36	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	48	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG LONG	AMD	37-38	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	40	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHI MANH HAI	AMD	47	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU ĐỨC CHÍ	AMD	45-46	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH TÂN	AMD	41-42	2	14		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRỌNG TUẤN	AMD	39	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VĂN NGHIỆP	AMD	43	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HỮU HÀ	AMD	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	KIEU VAN TUAN	AMD	50	1	3		65	PSV	Vietnamese
13	LÊ MINH HIỆU	PPD	46	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIỆT TIEN	PPD	49-50	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
15	BIỆN MINH SƠN	PPD	45	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	48	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	44	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUY SƠN	PPD	47	1	2		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	15	86	826	0	13		
2	PPD	6	7	29	423	0	7		
TOTAL		18	22	115	1.249	0	20		
WEIGHT KG				115	1.249	0			

GRAND TOAL: 1.364 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/07/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK6+TD1	7:25	4+0+14	0+0+0		2+3+17	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/07/2019	TO: PPD - BK6 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - Toan	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NAM TRUNG	PPD	02	1	12		85	CODIEN	Vietnamese
2	LAM NHƯT MINH	PPD	03	1	14		63	CODIEN	Vietnamese
3	HOANG QUỐC LONG	PPD	01	1	7		55	PSV	Vietnamese
4	BRACHIKOV	TD1	84	1	10		95	KHOAN	Russian
5	HOANG TUAN ANH*TT	TD1	78-79	2	9		70	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐOÌ	TD1	82	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN ĐIỀN	TD1	87	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	80	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THANH	TD1	81	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN KIẾN	TD1	85	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT CHƯƠNG	TD1	90-91	2	20		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	TD1	89	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO MINH DŨNG	TD1	83	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN KHANH	TD1					78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	86	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN TRƯỞNG-PVDT	TD1	88	1	5		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	3	3	33	203	0	1		
2	BK6	0	0	0	0	40	4		
3	TD1	14	14	83	1.006	0	17		
TOTAL		17	17	116	1.209	40	22		
WEIGHT KG				116	1.209	40			

GRAND TOAL: 1.365 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/07/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+TD2	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/07/2019	TO: P4 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOÁN THANH CÔNG	P4	01-02	2	17		72	KHI	Vietnamese
2	LÊ HAI SƠN	TD2	12	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
3	DEMIN	TD2	04	1	5		100	KHOAN	Russian
4	ANDRIUSHENKO O.A	TD2	07	1	4		128	KHOAN	Russian
5	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	09	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
6	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	05	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TÚ	TD2	03	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ VĂN HÙNG	TD2	13	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	15	1	5	60	80	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN HUY NINH*MC*PVD	TD2	02	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN MINH	TD2	01	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	11	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THỊ CHUYỀN	TD2	10	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	14	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	06	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC VIỆT-PVDT	TD2	22	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG TIẾN	TD2	08	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM MINH CƯỜNG	TD2	21	1	5		68	D-HANH	Vietnamese
19	VŨ VĂN TUÔNG	TD2	18	1	10		72	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HOÀNG VŨ	TD2	16-17	2	18		75	D-HANH	Vietnamese
21	ĐẶNG TUẤN ANH	TD2	19-20	2	12		86	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	2	17	72	0	0		
2	TD2	20	22	134	1.488	60	22		
TOTAL		21	24	151	1.560	60	22		
WEIGHT KG				151	1.560	60			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD3-TD1	7:25	4+18	0+0		4+13	0+0	CHUYEN KHACH
2		TD5-RP3	7:25	5+17	0+0		4+14	0+0	
3		TD2+BK3+BK4	7:25	7+8+7	0+0+0		6+5+11	0+0+0	
4		P2+JS2	9:25	19+3	0+0		15+7	0+0	
5		P10+P2	9:25	21+1	0+0		12+10	0+0	
6		P11+P9	9:25	12+10	0+0		12+10	0+0	
7		TD3+BK8+BK6	9:25	9+13+0	0+0+0		0+10+10	0+0+0	
8		P9-BK10+CTK3	11:25	5+17+0	0+0		5+16+1	0+0	1 NGUOI CTK3 VE
9		P10+TD2+BK3	11:25	15+3+4	0+0+0		10+5+7	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY : TD2(BK15)-3 NG; BK3 -5NG.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/07/2019	TO: TD5 - TD3 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LHai - TĐông - TSON	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKHIN A.G	TD5	52	1	3		95	KHOAN	Russian
2	ĐAO QUANG MINH	TD5	59	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
3	VÔ NGUYỄN KHANG	TD5	58	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	53-55	3	18	20	83	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM DUY THANH	TD5	56-57	2	10		73	DMC	Vietnamese
6	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
7	GOLOVIN G.V	TD3	69	1	5		110	KHOAN	Russian
8	LÊ TIẾN DUNG	TD3	70	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	73	1	7	70	73	KHOAN	Vietnamese
10	NGO DUY THANH	TD3	71	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
12	ĐAO LÊ XUÂN SƠN	TD3	76	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	68	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG NAM	TD3	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG THANH TU	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG HỮU TÀI-PVDT	TD3	74	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ TIẾN LỰC	TD3					57	KHOAN	Vietnamese
18	NG TRỌNG TUÂN*MC-PVD	TD3	75	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM THẾ QUANG	TD3	77	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD3	78	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN AN NINH	TD3	79	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO VĂN HIẾU	TD3	80	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

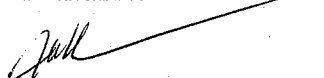
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	5	8	42	401	20	4		CHUYEN 02 PAX TU TD3 SANG TD1
2	TD3	17	13	97	1.241	70	15		
3	TD1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	21	139	1.642	90	22		
WEIGHT KG				139	1.642	90			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/07/2019	TO: TD5 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - MQUÂN	ETA: 09:15
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	66	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	LUU THE DIEN	TD5	64-65	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
3	ĐANG VĂN HƠN	TD5	78	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
4	ĐANG ĐÌNH THỌ	TD5	62	1	7	38	67	KHOAN	Vietnamese
5	TÔ THANH HUNG	TD5	75	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MINH CÔNG	TD5	71	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	73-74	2	7		65	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN CAO DANH	TD5	72	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÌNH ĐỨC KIẾN	TD5	76	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN NGUYỄN-PVDI	TD5	63	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HUY TIẾN HAI	TD5	77	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD5	67	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THẾ TÂM	TD5	68-69	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN BA HUNG	TD5	70	1	5		80	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	TD5	58-59	2	15		55	DMC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN TÙNG	TD5	60-61	2	14		65	DMC	Vietnamese
17	SCHIT HTWE	RP3	17-19	3	17		80	KHI	Myanmar
18	OLIVERIO CORTES	RP3	13	1	5	20	77	KHI	Coatian
19	PETER CHANG	RP3	14-15	2	17	47	95	KHI	Singapore
20	NGUYỄN THẾ ANH	RP3	20	1	5		65	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG HÙNG	RP3	24	1	5		54	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN LÊ	RP3	18	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	21	121	1.108	38	14		
2	RP3	6	9	56	439	67	8		
TOTAL		22	30	177	1.547	105	22		
WEIGHT KG				177	1.547	105			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/07/2019	TO: TD2 - BK3 - BK4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: QViệt - Vận - Luy	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CÂN	TD2	26	1	3	50	67	D-HANH	Vietnamese
2	HOÀNG GIANG LAM	TD2					81	D-HANH	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THANH	TD2					69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HUONG	TD2	30	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU TIẾN THANH	TD2	27	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN QUANG HOANG	TD2	29	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG KHA	TD2	28	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THỨC LỢI	BK3	73	1	5	20	66	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK3					70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH BÌNH	BK3					88	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN THẮNG	BK3					55	NIPI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DŨNG	BK3	30	1	4		65	NIPI	Vietnamese
13	THAI HAI HA	BK3	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CÔNG VINH	BK3	29	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	BK3	80	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	DUBOV A.V	BK4	39	1	13	40	80	KH-THAC	Russian
17	TÔNG TRUNG HUY	BK4	40	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC BA	BK4	16	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN TUẤN VIỆT	BK4	37	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN ANH	BK4	38	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
21	CÔNG ĐỨC TÂM	BK4	41	1	5		67	NIPI	Vietnamese
22	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	34	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	5	30	494	50	6		
2	BK3	8	5	21	539	20	5		
3	BK4	7	7	51	511	40	11		
TOTAL		22	17	102	1.544	110	22		
WEIGHT KG				102	1.544	110			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/07/2019	TO: P2 - JS2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHai - TĐông - TSON	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUÝ TOÀN	P2	28-29	2	12		57	KH-THAC	Vietnamese
2	PARSHIN	P2	35-36	2	13		75	KH-THAC	Russian
3	PHAN ANH ĐỨC	P2	31	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN CUÔNG	P2	43-44	2	8	13	87	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ CÔNG KHANG	P2	30	1	5	30	57	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
7	BIÊN ĐĂNG SÂM	P2	37	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRI HAO	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ XUÂN TUÂN	P2	38	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRƯƠNG THẾ VINH	P2	32	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH THUẬN	P2	26	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ ĐÌNH TUYẾN	P2	25	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN MINH XANH	P2	33	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO VĂN HỘI	P2	34	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HỮU LINH	P2	27	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	39	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	41	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THAI BÌNH	P2	40	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG MINH QUÂN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHƯƠNG VĂN MINH	JS2	20	1	5	10	78	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC AN	JS2	21	1	6	30	67	KH-THAC	Vietnamese
22	DƯƠNG VĂN CUÔNG	JS2	19	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	19	108	1.284	43	15		
2	JS2	3	3	16	224	40	7		
TOTAL		22	22	124	1.508	83	22		
WEIGHT KG				124	1.508	83			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/07/2019	TO: P10 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - Linh - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

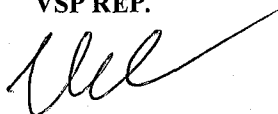
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HƯNG MÊN	P10	75	1	5		65	YTE	Vietnamese
2	BADIKOV M.F.	P10	92	1	5		65	KH-THAC	Russian
3	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10				15	47	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	71	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	45	1	5	80	68	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH CÔNG VĂN	P10	73-74	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀU THẾ HAI	P10	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THẾ HÙNG	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	P10	83	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ BAO TRUNG	P10	87	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	84	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH QUANG	P10	80	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỮU TRI	P10	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN BAO TOÀN	P10	82	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU THANH	P2	23	1	10	30	65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	21	18	89	1.464	95	12		
2	P2	1	1	10	65	30	10		
TOTAL		22	19	99	1.529	125	22		
WEIGHT KG				99	1.529	125			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

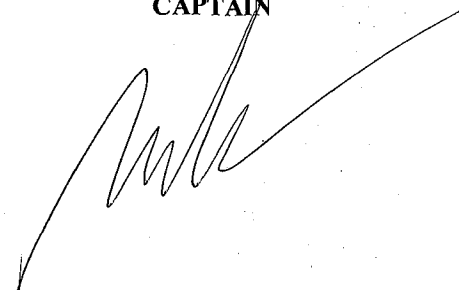
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/07/2019	TO: P11 - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - MQUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MANH CUONG	P11	01	1	2	35	61	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN CO	P11	06	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
3	LE NGOC ANH	P11					77	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI CONG LAN	P11					70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN TUAN	P11					50	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO MINH HOANG	P11	08	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN KIM NGOC	P11	09-10	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG BANG	P11	04	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	P11	03	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEN	P11	07	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUONG	P11	02	1	3		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEN	P11	05	1	2		70	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN BA THANH	P9	82	1	5	50	71	KH-THAC	Vietnamese
14	HO DUC HIEN	P9	83	1	9		51	YTE	Vietnamese
15	TRAN VAN QUE	P9	87	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN THANH HAI	P9	89	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LE TAM THUY	P9	86	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN DUY ANH	P9	85	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRUONG THE DUNG	P9	81	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
20	LE LANG TU	P9	84	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN XUAN HUONG	P9	88	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN LINH	P9	93-94	2	16		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	12	10	47	797	35	12		
2	P9	10	11	72	686	50	10		
TOTAL		22	21	119	1.483	85	22		
WEIGHT KG				119	1.483	85			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/07/2019	TO: TD3 - BK8 - BK6	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: QViệt - Vận - Luy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TUẤN ANH	TD3	54	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
2	TẠ HOÀI TRANG	TD3	60	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THANH	TD3	58	1	11		74	DVL	Vietnamese
4	LÊ VĂN THĂNG	TD3	53	1	12		68	DVL	Vietnamese
5	LƯU BA XÔ	TD3	57,59	2	15		75	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD3	55	1	12		60	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HA	TD3	56	1	10		72	DVL	Vietnamese
8	TRẦN THAI AN	TD3	62	1	6		70	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD3	63	1	10		60	DVL	Vietnamese
10	DANG DUC HA	TD3	61	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK8	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HA CHIẾN THĂNG	BK8	21	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG QUANG TÊ	BK8	22	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ XUÂN CHÍNH	BK8	19	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VĂN TRIỆU	BK8	20	1	5		77	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN LỘC	BK8	31-32	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG BA THĂNG	BK8	23	1	14		58	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	BK8	24-25	2	11		77	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TÂN	BK8	16	1	13	20	65	XAYLAP	Vietnamese
20	HA TUẤN DŨNG	BK8	28-29	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	BK8	17-18	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT MINH	BK8	26-27	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	11	103	713	0	0		
2	BK8	12	17	143	818	20	12		
3	BK6	0	0	0	0	30	10		
TOTAL		22	28	246	1.531	50	22		
WEIGHT KG				246	1.531	50			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/07/2019	TO: P10 - TD2 - BK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Trường	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH XUAN QUAN	P10	70	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN MANH HUNG	P10	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU QUOC NHAT	P10	76	1	10		70	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN HAI LAM	P10	80-81	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
5	LE NGOC LUAN	P10	68	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
6	DOAN VAN KHUU	P10	71	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN TRONG TIEN	P10	72	1	10		84	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DONG HUNG	P10	75	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG HUE	P10	73	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUU LUAN	P10	82	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN CANH TAN	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
12	VU VAN DUC	P10	74	1	4		66	XAYLAP	Vietnamese
13	SVIATOKHO	P10	78	1	5		89	NIPI	Russian
14	FESENKO	P10	79	1	5		68	NIPI	Russian
15	KIREEV	P10	77	1	5		89	NIPI	Russian
16	DO TRUONG THINH	TD2	34	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	BAMBUROV E.H	TD2	36	1	10		100	KH-THAC	Russian
18	NGUYEN VAN TRUNG	TD2	35	1	8		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN BA DUY	BK3	32	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	BK3	34	1	15		70	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYEN HUU DUC	BK3	06-07	2	15	15	84	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN DUC MAN	BK3	33	1	5	22	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	15	115	1.097	0	9		
2	TD2	3	3	23	247	0	6		
3	BK3	4	5	39	270	37	7		
TOTAL		22	23	177	1.614	37	22		
WEIGHT KG				177	1.614	37			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/07/2019	TO: P9 - BK10 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Năm	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	98	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐÀ KHA	P9	03	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH THẾ NHÂN	P9	05	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	95	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUNG	P9	10	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY	P9	02	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỮU TRI	P9	500	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	04	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	HƯA SẦY	P9	01	1	5	15	60	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI CÔNG THẮNG	P9	96	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	99	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
12	LUÔNG XUÂN THAI	P9					72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH HUY KIỆM	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	97	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN PHU QUANG	P9	07	1	5		64	PSV	Vietnamese
16	ĐÌNH QUANG KHÔI	P9	09	1	4		57	PSV	Vietnamese
17	PHẠM VĂN DUÂN	P9	08	1	3		76	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	25	1	10	60	65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	22	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN CHÂU NAM	BK10	24	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
21	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	21	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK10	23	1	6		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	17	15	73	1.169	15	16		
2	BK10	5	5	33	354	60	5		
3	CTK3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	20	106	1.523	75	22		
WEIGHT KG				106	1.523	75			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

